



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 79 + 80

Ngày 20 tháng 11 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 139/2025/NQ-HĐND bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La	3
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 570/NQ-HĐND về việc phân bổ nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	5
07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 571/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất (đợt 27)	10
07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 572/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	19
07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 573/NQ-HĐND về việc phân bổ ngân sách Trung ương năm 2025 để thực hiện nhiệm vụ quản lý, duy tu sửa chữa các tuyến đường giao thông Trung ương bàn giao về địa phương quản lý	42

07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 574/NQ-HĐND về việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 3)	48
07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 575/NQ-HĐND về việc điều chỉnh thông tin dự án, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	61
07/11/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 576/NQ-HĐND phê duyệt bổ sung dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên (nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài) năm 2025	106

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 139/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định
phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 666/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1224/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

HĐND ban hành Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau đây:

1. Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh.

2. Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều tại quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh.

3. Nghị quyết số 107/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 570/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 256/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về đảm bảo cơ sở, vật chất cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật NSNN tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các địa phương để đảm bảo cơ sở, vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 663/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2025, Báo cáo số 853/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1224/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn ngân sách Trung ương năm 2025, để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, số tiền 99.950 triệu đồng (*Chín mươi chín tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh năm 2025 tại Quyết định số 1953/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí Trung ương chưa phân bổ tại Quyết định số 1953/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, số tiền 550 triệu đồng, thực hiện theo dõi, quản lý tại ngân sách tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

Phụ lục
PHÂN BỐ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025,
ĐỂ ĐẢM BẢO CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ SẮP XẾP, TỔ CHỨC
BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo Nghị quyết 570/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Xã	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Chi sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc; (2) Mua sắm trang thiết bị thiết yếu đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công và tiếp công dân; (3) Đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho cán bộ, công chức điều động.	Hỗ trợ mua mới xe ô tô phục vụ công tác chung	
	Tổng cộng	99.950	84.550	15.400	
1	Xã Chiềng La	1.495	1.495		
2	Xã Thuận Châu	1.400		1.400	
3	Xã Bình Thuận	2.155	2.155		
4	Xã Mường Khiêng	3.349	1.949	1.400	
5	Xã Nậm Lầu	1.032	1.032		
6	Xã Muối Nọi	820	820		
7	Xã Co Mạ	1.750	1.750		
8	Xã Long Hẹ	456	456		
9	Xã Mường É	1.306	1.306		
10	Xã Mai Sơn	1.400		1.400	
11	Xã Chiềng Mai	2.000	2.000		
12	Xã Phiêng Păn	1.785	1.785		
13	Xã Chiềng Mung	1.612	1.612		
14	Xã Phiêng Cầm	503	503		
15	Xã Mường Chanh	1.992	1.992		
16	Xã Tà Hộc	1.304	1.304		
17	Xã Chiềng Sung	2.157	2.157		
18	Xã Yên Châu	1.400		1.400	
19	Xã Chiềng Hạc	2.200	2.200		

STT	Xã	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Chi sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc; (2) Mua sắm trang thiết bị thiết yếu đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công và tiếp công dân; (3) Đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho cán bộ, công chức điều động.	Hỗ trợ mua mới xe ô tô phục vụ công tác chung	
20	Xã Phiêng Khoài	1.744	1.744		
21	Xã Lóng Phiêng	1.992	1.992		
22	Xã Yên Sơn	1.992	1.992		
23	Xã Chiềng Sơn	1.017	1.017		
24	Xã Lóng Sập	850	850		
25	Xã Đoàn Kết	1.884	1.884		
26	Xã Tân Yên	2.558	2.558		
27	Xã Phù Yên	1.400		1.400	
28	Xã Mường Cơi	869	869		
29	Xã Mường Bang	2.000	2.000		
30	Xã Gia Phù	1.485	1.485		
31	Xã Tường Hạ	2.101	2.101		
32	Xã Kim Bon	1.900	1.900		
33	Xã Tân Phong	1.809	1.809		
34	Xã Suối Tọ	900	900		
35	Xã Bắc Yên	1.400		1.400	
36	Xã Tà Xùa	1.715	1.715		
37	Xã Xím Vàng	943	943		
38	Xã Tạ Khoa	2.054	2.054		
39	Xã Pắc Ngà	1.467	1.467		
40	Xã Chiềng Sại	1.298	1.298		
41	Xã Mường La	1.400		1.400	
42	Xã Mường Bú	968	968		
43	Xã Chiềng Hoa	718	718		
44	Xã Chiềng Lao	1.405	1.405		

STT	Xã	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Chi sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc; (2) Mua sắm trang thiết bị thiết yếu đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công và tiếp công dân; (3) Đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho cán bộ, công chức điều động.	Hỗ trợ mua mới xe ô tô phục vụ công tác chung	
45	Xã Ngọc Chiến	2.101	2.101		
46	Xã Quỳnh Nhai	1.400		1.400	
47	Xã Mường Sại	600	600		
48	Xã Mường Giôn	1.310	1.310		
49	Xã Mường Chiên	1.638	1.638		
50	Xã Sông Mã	1.400		1.400	
51	Xã Bó Sinh	1.884	1.884		
52	Xã Mường Lầm	1.963	1.963		
53	Xã Nậm Ty	2.582	2.582		
54	Xã Chiềng Sơ	1.579	1.579		
55	Xã Chiềng Khoong	1.405	1.405		
56	Xã Huổi Một	1.560	1.560		
57	Xã Mường Hung	741	741		
58	Xã Chiềng Khương	1.500	1.500		
59	Xã Sốp Cộp	1.400		1.400	
60	Xã Púng Bính	1.383	1.383		
61	Xã Mường Lạn	1.197	1.197		
62	Xã Mường Lèo	1.405	1.405		
63	Xã Vân Hồ	1.400		1.400	
64	Xã Song Khủa	1.992	1.992		
65	Xã Xuân Nha	1.525	1.525		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 571/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất (đợt 27)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 114/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 - 2025,

Xét Tờ trình số 670/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025, Báo cáo số 853/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1224/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất (đợt 27), như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 7.198 triệu đồng.
2. Phương án phân bổ

Phân bổ 7.198 triệu đồng thực hiện 37 dự án hoàn thành còn thiếu vốn trên địa bàn huyện Vân Hồ (cũ).

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH**
(Kèm theo Nghị quyết số 571/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	TD: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
I	TỔNG SỐ									
1	Dự án hoàn thành quyết toán									
1	Xử lý ngập úng khu vực dân cư bản Pa Chè, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	392 25/4/2022		4.382	405.099	397.897	7.198	7.198	
2	Hoàn thiện, bổ sung đường từ Trung tâm xã Quang Minh đến bản Lôm	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	268 21/3/2022	2.800	2.730	4.235	205.428	5.825	5.825	
3	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, trường tiểu học và THCS xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ + Các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1391 02/12/2021	5.500	5.088	4.488	2.270	460	460	
4	Cầu cứng qua suối bản Tin Tộc, xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1329 14/10/2019	2.494	2.128	2.078	50	50	50	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	TD: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
5	Đường giao thông từ bản Bướn đến bản Sa Lai (khu vực Suối Con), xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	754 21/6/2019	12.000	10.922	10.772	150	150	150	
6	Đường giao thông liên bản Tàu Dầu - Un, xã Song Khủa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn la	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1393 02/12/2021	3.500	3.315	2.815	500	500	500	
7	Nâng cấp đường trung tâm xã Song Khủa - Liên Hòa	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1782 22/12/2017	35.384	33.864	33.747	116	116	116	
8	Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng trường Mầm non trung tâm xã Chiềng Khoa	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1382 02/12/2021	5.000	4.745	4.695	50	50	50	
9	Đường giao thông liên xã bản Pơ Tào xã Mường Tè - bản Lòm xã Quang Minh	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	267 21/3/2022	4.500	4.368	4.315	53	53	53	
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND, UBND xã Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1361 26/10/2018	8.883	8.120	7.950	170	170	170	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	TD: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
11	Trụ sở Huyện ủy huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	3196 31/12/2016	60.535	56.691	56.291	400	400	400	
12	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (điện nước sinh hoạt, hệ rãnh thoát nước) các khu vực dân cư khu trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	418 04/4/2019	7.467	6.777	6.629	148	148	148	
13	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (San nền, đường giao thông, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, nước sinh hoạt) khu dân cư lô số 34	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1410 30/10/2018	6.500	4.749	4.559	190	190	190	
14	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu dân cư lô số 16.17.18.20	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1392 30/10/2018	3.907	3.504	3.405	99	99	99	
15	Nâng cấp đường bán Tur - bản Pù Lầu, xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1422 30/10/2018	9.000	7.518	7.455	63	63	63	
16	Cầu cứng bản Phụ Mẫu I, xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình	1363 24/10/2019	1.694	1.413	1.383	30	30	30	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	TD: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
		Nông nghiệp và PTNT								
17	Hỗ trợ điện chiếu sáng bản Lúng Xã, Tà Dê, xã Lóng Luông	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	250 12/4/2021	2.730	2.555	2.510	45	45	45	
18	Đường vào bản Sa Lai (đầu Suối Con và đến trung tâm bản), xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1381 30/10/2019	2.000	1.818	1.770	48	48	48	
19	Hệ thống cơ sở hạ tầng (điện nước, giao thông) khu bổ sung cấp đất đợt 4, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1435 27/10/2017	14.440	14.380	14.050	330	330	330	
20	Sân vận động xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1251 23/9/2019	2.000	1.920	1.871	49	49	49	
21	Nâng cấp, cải tạo đường từ trung tâm xã đi bản Lòm, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1339 16/10/2019	6.801	6.283	6.143	140	140	140	
22	Đường giao thông từ bản Suối Nậu đến khu tái định cư xen ghép Tường Liên,	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình	1524 01/11/2024	1.500	1.435	1.369	65	65	65	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	TD: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
	xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Nông nghiệp và PTNT								
23	Công trình Trường TH và THCS Mường Men	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	344-14/4/2023	6.416	5.904	5.287	616	616	616	
24	Nhà lớp học mầm non bản Pa Đì, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1400 30/10/2018	857	800	750	50	50	50	
25	Thủy lợi bản Bó, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1364 24/10/2019	2.901	2.420	2.380	40	40	40	
26	Đầu tư mới công trình nước sinh hoạt bản Bướ, xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1515 29/11/2019	957	892	850	42	42	42	
27	Hỗ trợ xây dựng đường nội đồng khu vực sản xuất của Hợp tác xã nông nghiệp Tiến Thành Vân Hồ (Nội đồng vùng nguyên liệu)	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1512 29/11/2019	750	740	600	140	140	140	
28	Bể chứa nước phục vụ tưới tiêu khu vực sản xuất (HTX nông nghiệp Suối	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình	1517	900	858	720	138	138	138	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	TD: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
	Bàng 100m3/bê)	Nông nghiệp và PTNT	29/11/2019							
29	Đường nội đồng HTX cây ăn quả Vân Hồ (Khu sản xuất Suối Quanh)	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1511 29/11/2019	750	730	600	130	130	130	
30	Hỗ trợ xây dựng nội đồng khu vực sản xuất của Hợp tác xã nông trại hữu cơ Vân Hồ (Đoạn từ đầu bản Chùa Tai lên Khu Sân bay thuộc bản Pa Cốp)	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1513 29/11/2019	3.600	2.890	2.830	60	60	60	
31	Đường giao thông từ bản Bó Má (bản Nôn) - bản Lán, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1379 30/10/2019	2.500	2.269	2.132	137	137	137	
32	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng điểm trường tiểu học trung tâm xã Song Khủa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	910 14/9/2022	2.574	2.445	2.309	136	136	136	
33	Xây dựng nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử khu căn cứ tỉnh đội bản Tà lạt, xã Song Khủa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	896 12/9/2022	1.904	1.809	1.769	40	40	40	
34	Sân vận động xã Tô Múa (bao gồm trang thiết bị phục vụ thể dục, thể thao),	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình	360	1.000	940	900	40	40	40	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Lũy kế vốn đã bố trí	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	TD: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
	huyện Vân Hồ	Nông nghiệp và PTNT	19/4/2023				1.373	1.373	1.373	
II	Dự án đang trình quyết toán									
1	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại khu tái định cư tập trung Pu Nhay, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	798 21/4/2020	34.000	29.726	29.000	726	726	726	
2	Dự án tái cơ cấu Nông Lâm sản vùng Chiềng Yên, Quang Minh, Xuân Nha	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	914 23/9/2016	109.900	94.253	93.685	567	567	567	
3	Đường từ tỉnh lộ 102 (khu vực Pa Cóp) qua các bản Lũng Xả, Tà Dê xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến xã Hang Kìa, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	331 26/3/2020	77.556	69.864	69.784	80	80	80	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 572/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 114/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 - 2025;

Xét Tờ trình số 673/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025, Báo cáo số 853/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1224/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất, như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: **197.000** triệu đồng.
2. Phương án phân bổ

Phân bổ **197.000** triệu đồng thực hiện 100 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn thu tiền sử dụng đất.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 572/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư		Tổng số			Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025			
			Số, ngày, tháng, năm	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh							
	TỔNG SỐ	100		3.231.314	2.614.085	1.257.108	1.155.673	1.422.806	158.882	197.000	
A	DỰ ÁN HOÀN THÀNH	52		278.743	117.666	213.170	249.887	79.223	19.300	36.717	
I	Văn hóa, thể thao, Du lịch	1		18.100	2.023	12.844	14.867	2.023		2.023	
1	Dự án Công trình phụ trợ hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Sơn La	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi (trước đây là Trung tâm tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Sơn La)	177 24/01/2011; 2555 03/11/2011	18.100	2.023	12.844	14.867	2.023		2.023	
II	Dự án thanh toán khối lượng hoàn thành	1		81.000	11.000	71.334	78.934	9.666	2.000	7.600	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
1	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	2049 QĐ-UBND ngày 30/9/2022	81.000	11.000	71.334	78.934	9.666	2.000	7.600	
III	An ninh trật tự, an toàn xã hội	50		179.643	104.643	128.992	156.086	67.534	17.300	27.094	
1	Trụ sở làm việc Công an Mường Bang, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2738 QĐ-CAT-PH10 ngày 27/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.080	2.200	1.590	380	
2	Trụ sở làm việc Công an Mường Do, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2720 QĐ-CAT-PH10 ngày 27/11/2023	3.700	2.200	2.600	2.920	2.200	1.100	320	
3	Trụ sở làm việc Công an Tường Thưng, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2723 27/11/2023	3.700	2.200	2.530	3.530	1.200	30	1.000	
4	Trụ sở làm việc Công an Tường Tiến, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2722 27/11/2023	3.700	2.200	2.000	3.400	1.700		1.400	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
				TD: Nguồn ngân sách tỉnh							
5	Trụ sở làm việc Công an Tường Phong, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	2721 27/11/2023	3.700	2.200	2.337	3.557	1.400	37	1.220	
6	Trụ sở làm việc Công an Suối Tọ, huyện Phù Yên	Công an tỉnh	122 11/12/2023	3.700	2.200	2.320	3.000	1.400	20	680	
7	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Công an tỉnh	2713 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.370	1.500		170	
8	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Công, huyện Mường La	Công an tỉnh	2733 27/11/2023	3.700	2.200	1.500	3.080	2.200		1.580	
9	Trụ sở làm việc Công an xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Công an tỉnh	2714 27/11/2023	3.700	2.200	2.300	3.320	1.400		1.020	
10	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Muôn, huyện Mường La	Công an tỉnh	2716 27/11/2023	3.700	2.200	2.100	3.030	1.600		930	
11	Trụ sở làm việc Công an xã Phiềng Côn, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2735 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	2.820	1.500		620	
12	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2718 27/11/2023	3.700	2.200	2.200	3.530	1.500		1.330	
13	Trụ sở làm việc Công an xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Công an tỉnh	2719 27/11/2023	3.700	2.200	2.339	3.349	1.400	39	1.010	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
14	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2736 27/11/2023	3.302	1.802	2.600	3.100	1.102	400	500	
15	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2737 27/11/2023	2.780	1.280	2.500	2.600	580	300	100	
16	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Vả, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2729 27/11/2023	3.094	1.594	1.900	2.850	1.594	400	950	
17	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	Công an tỉnh	2734 27/11/2023	2.917	1.417	2.500	2.670	717	300	170	
18	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2743 27/11/2023	4.249	2.749	2.500	3.817	1.749		1.317	
19	Trụ sở làm việc Công an xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2740 27/11/2023	2.994	1.494	2.400	2.705	594		305	
20	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu	Công an tỉnh	2741 27/11/2023	3.646	2.146	2.500	3.300	1.446	300	800	
21	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Công an tỉnh	2742 27/11/2023	3.022	1.522	2.640	2.798	1.522	1.140	158	
22	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Sai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2710 27/11/2023	3.972	2.472	3.100	3.500	872		400	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
23	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Hung, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2711 27/11/2023	3.320	1.820	2.600	2.950	720		350	
24	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Cai, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	2712 27/11/2023	3.763	2.263	3.100	3.570	663		470	
25	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	Công an tỉnh	3050 08/12/2023	4.009	2.509	3.400	3.740	609		340	
26	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2725 27/11/2023	3.700	2.200	3.200	3.310	500		110	
27	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2747 28/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.120	1.000		420	
28	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2728 27/11/2023	3.700	2.200	2.700	2.960	1.000		260	
29	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2729 27/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.100	1.000		400	
30	Trụ sở làm việc Công an xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2726 27/11/2023	3.700	2.200	2.500	2.960	1.200		460	
31	Trụ sở làm việc Công an xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2730 27/11/2023	3.763	2.263	2.500	2.800	1.536	300	300	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
32	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2731 27/11/2023	2.930	1.430	2.520	2.630	1.430	1.020	110	
33	Trụ sở làm việc Công an xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2732 27/11/2023	3.124	1.624	2.300	2.760	1.124	300	460	
34	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Công an tỉnh	2733 27/11/2023	3.011	1.511	2.600	2.760	1.511	1.100	160	
35	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Co Tòng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2791 27/11/2023	3.700	2.200	2.900	3.353	2.200	1.400	453	
36	Trụ sở làm việc Công an xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2793 28/11/2023	3.700	2.200	2.700	3.013	1.400	400	313	
37	Trụ sở làm việc Công an xã Pá Lông, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2795 28/11/2023	3.700	2.200	3.000	3.489	1.100	400	489	
38	Trụ sở làm việc Công an xã É Tòng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2794 28/11/2023	3.700	2.200	2.800	3.423	1.300	400	623	
39	Trụ sở làm việc Công an xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2792 28/12/2023	3.700	2.200	3.000	3.297	1.100	400	297	
40	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2797 27/11/2023	3.700	2.200	2.824	2.945	1.300	424	121	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
				Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh						
41	Trụ sở làm việc Công an xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2796 28/11/2023	3.700	2.200	2.500	3.457	1.700	500	957	
42	Trụ sở làm việc Công an xã Bon Phăng, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2789 28/11/2023	3.700	2.200	2.600	2.813	1.400	300	213	
43	Trụ sở làm việc Công an xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2790 28/11/2023	3.700	2.200	3.000	3.401	1.100	400	401	
44	Trụ sở làm việc Công an Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2788 28/11/2023	3.700	2.200	2.300	3.010	1.900	500	710	
45	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu	Công an tỉnh	2747 27/11/2023	3.700	2.200	3.100	3.303	900	300	203	
46	Trụ sở làm việc Công an xã Phiềng Păn, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2727 27/11/2023	3.197	1.697	2.700	2.850	497		150	
47	Trụ sở làm việc Công an xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2743 27/11/2023	3.700	2.200	2.250	2.489	2.200	750	239	
48	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2744 27/11/2023	3.700	2.200	2.832	3.171	1.368	500	339	
49	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Dong, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2780 28/11/2023	3.700	2.200	2.300	3.411	2.200	800	1.111	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
50	Trụ sở làm việc Công an xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn	Công an tỉnh	2746 27/11/2023	4.150	2.650	3.400	3.675	2.200	1.450	275	
B	DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN PHÁT SINH NGUỒN THU	38		561.126	561.126	308.620	314.489	319.076	84.044	55.825	
I	Dự án trên địa bàn huyện Vân Hồ	34		228.126	228.126	205.427	211.296	26.076	20.851	5.825	
1	Đầu tư mới công trình nước sinh hoạt bản Bưởi, xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1515 29/11/2019	957	957	850	892	42		42	
2	Sân vận động xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1251 23/9/2019	2.000	2.000	1.871	1.920	999	950	49	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế lượng khối hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
3	Xây dựng nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử khu căn cứ tỉnh đội bản Tà lạt, xã Song Khủa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	896 12/9/2022	1.904	1.904	1.769	1.809	40		40	
4	Sân vận động xã Tô Múa (bao gồm trang thiết bị phục vụ thể dục, thể thao), huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	360- 19/4/2023	1.000	1.000	900	940	40		40	
5	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (điện nước sinh hoạt, hệ rãnh thoát nước) các khu vực dân cư khu trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	418 04/4/2019	7.467	7.467	6.629	6.777	1.318	1.170	148	
6	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (San nền, đường giao thông, điện	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ	1410 30/10/2018	6.500	6.500	4.559	4.749	1.020	830	190	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
	sinh hoạt, điện chiếu sáng, nước sinh hoạt) khu dân cư lô số 34	thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT									
7	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu dân cư lô số 16.17.18.20	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1392 30/10/2018	3.907	3.907	3.405	3.504	2.174	2.075	99	
8	Hỗ trợ điện chiếu sáng bản Lũng Xã, Tà Dê, xã Lóng Luông	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	250 12/4/2021	2.730	2.730	2.510	2.555	45		45	
9	Hệ thống cơ sở hạ tầng (điện nước, giao thông) khu bổ sung cấp đất đợt 4, xã Văn Hồ, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD	1435 27/10/2017	14.440	14.440	14.050	14.380	3.447	3.117	330	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
		các công trình NN&PTNT									
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND, UBND xã Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1361 26/10/2018	8.883	8.883	7.950	8.120	420	250	170	
11	Trụ sở Huyện ủy huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3196 31/12/2016	60.535	60.535	56.291	56.732	1.800	1.400	400	
12	Hoàn thiện, bổ sung đường từ Trung tâm xã Quang Minh đến bản Lôm	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	268 21/3/2022	2.800	2.800	2.270	2.730	3.377	2.917	460	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế lượng khối hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
13	Cầu cứng qua suối bản Tin Tộc, xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1329 14/10/2019	2.494	2.494	2.078	2.128	246	196	50	
14	Đường giao thông từ bản Bướn đến bản Sa Lai (khu vực Suối Con), xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	754 21/6/2019	12.000	12.000	10.772	10.922	823	673	150	
15	Đường giao thông liên bản Tàu Dầu - Ün, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn la	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1393 02/12/2021	3.500	3.500	2.815	3.315	500		500	
16	Nâng cấp đường trung tâm xã Song Khùa - Liên Hòa	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ	1782 22/12/2017	35.384	35.384	33.747	33.864	116		116	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
17	Đường giao thông liên xã bản Pơ Tào xã Mường Tè - bản Lòm xã Quang Minh	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	267 21/3/2022	4.500	4.500	4.315	4.368	53		53	
18	Nâng cấp đường bản Tụn - bản Pù Lầu, xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1422 30/10/2018	9.000	9.000	7.455	7.518	1.957	1.894	63	
19	Cầu cống bản Phụ Mẫu I, xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD	1363 24/10/2019	1.694	1.694	1.383	1.413	280	250	30	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
		các công trình NN&PTNT									
20	Đường vào bản Sa Lai (đầu Suối Con và đến trung tâm bản), xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1381 30/10/2019	2.000	2.000	1.770	1.818	627	579	48	
21	Nâng cấp, cải tạo đường từ trung tâm xã đi bản Lòm, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1339 16/10/2019	6.801	6.801	6.143	6.283	3.057	2.917	140	
22	Đường giao thông từ bản Suối Nậu đến khu tái định cư xen ghép Tường Liên, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1524 01/11/2024	1.500	1.500	1.369	1.435	65		65	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế lượng khối hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
23	Hỗ trợ xây dựng đường nội đồng khu vực sản xuất của Hợp tác xã nông nghiệp Tiến Thành Vân Hồ (Nội đồng vùng nguyên liệu)	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1512 29/11/2019	750	750	600	740	140		140	
24	Đường nội đồng HTX cây ăn quả Vân Hồ (Khu sản xuất Suối Quanh)	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1511 29/11/2019	750	750	600	730	130		130	
25	Hỗ trợ xây dựng đường nội đồng khu vực sản xuất của Hợp tác xã nông trại hữu cơ Vân Hồ (Đoạn từ đầu bản Chùa Tai lên Khu Sân bay thuộc bản Pa Cốp)	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1513 29/11/2019	3.600	3.600	2.830	2.890	60		60	
26	Đường giao thông từ bản Bó Má (bản Nòn) - bản Lăn, xã Liên Hòa,	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ	1379 30/10/2019	2.500	2.500	2.132	2.269	137		137	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
	huyện Văn Hồ	thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT									
27	Xử lý ngập úng khu vực dân cư bản Pa Chè, xã Văn Hồ, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	392 25/4/2022	4.382	4.382	3.735	4.235	1.534	1.034	500	
28	Thủy lợi bản Bó, xã Quang Minh, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1364 24/10/2019	2.901	2.901	2.380	2.420	40		40	
29	Bể chứa nước phục vụ tưới tiêu khu vực sản xuất (HTX nông nghiệp Suối Bàng 100m3/bể)	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD	1517 29/11/2019	900	900	720	858	138		138	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
30	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, trường tiểu học và THCS xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ + Các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1391 02/12/2021	5.500	5.500	4.488	5.088	600	600	600	
31	Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng trường Mầm non trung tâm xã Chiềng Khoa	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1382 02/12/2021	5.000	5.000	4.695	4.745	50		50	
32	Công trình Trường TH và THCS Mường Men	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	344- 14/4/2023	6.416	6.416	5.287	5.904	616		616	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
33	Nhà lớp học mầm non bản Pa Đì, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1400 30/10/2018	857	857	750	800	50		50	
34	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng điểm trường tiểu học trung tâm xã Song Khủa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	910 14/9/2022	2.574	2.574	2.309	2.445	136		136	
II	Dự án trên địa bàn thành phố	4		333.000	333.000	103.193	103.193	293.000	63.193	50.000	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2237 25/10/2024	108.000	108.000	10.000	10.000	98.000		20.000	
2	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND phường Chiềng Cơi	1051 30/5/2021	160.000	160.000	93.193	93.193	130.000	63.193	11.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư		Tổng số			Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025			
			Số, ngày, tháng, năm	TD: Nguồn ngân sách tỉnh							
3	Trường Mầm non Quyết Thắng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2497 03/10/2025	30.000	30.000			30.000		9.500	
4	Trường Mầm non Bé Văn Đàn, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2340 16/9/2025	35.000	35.000			35.000		9.500	
C	DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÓ NHU CẦU BỔ SUNG VỐN VÀ CÓ KHẢ NĂNG GIẢI NGÂN	10		2.391.445	1.935.293	735.318	591.297	1.024.507	55.538	104.458	
I	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi thủy sản	2		347.420	190.420	185.810	187.880	190.438	36.551	14.851	
1	Dự án Kè suối Nậm La (đoạn từ Hồ Tuổi trẻ - đến Cầu Tông Panch)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	1540 01/8/2024; 708 28/3/2025	267.638	110.638	149.259	151.329	110.638		2.851	
2	Dự án thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về trung tâm thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2647- 29/10/2021	79.782	79.782	36.551	36.551	79.800	36.551	12.000	
II	Giao thông	5		1.858.242	1.559.090	537.671	387.243	784.069	17.150	72.807	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
1	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND phường Mộc Châu	271 29/4/2021	600.000	330.000	351.668	252.134	257.282	8.950	18.733	
2	Dự án ĐT.107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến xã Nậm Sờ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)	UBND xã Mường Chiềng	503 05/3/2025	245.000	245.000	18.200	18.033	72.718	3.200	12.000	
3	Dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngân (đoạn Km 2+327m - Km 7+527m), thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	2180 18/10/2024	130.000	130.000	38.000	37.870	35.364		15.000	
4	Dự án Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát), xã Chiềng Khay (bản Mùn), huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2667 09/12/2023	183.242	154.090	64.452	64.452	118.790		15.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	UBND xã Yên Châu, UBND xã Tạ Khoa	562 13/3/2025	700.000	700.000	65.351	14.754	299.915	5.000	12.074	
III	Văn hóa, thể thao, Du lịch	1		13.784	13.784	737	9.549	14.000	737	5.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TD: Nguồn ngân sách tỉnh			Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 10/10/2025		
1	Dự án Sân thể thao các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai	UBND xã Quỳnh Nhai	523 06/3/2025	13.784	13.784	737	9.549	14.000	737	5.000	
IV	Y tế, dân số và gia đình	1		3.998	3.998	1.100	2.478	4.000	1.100	2.800	
1	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	2873 23/11/2021	3.998	3.998	1.100	2.478	4.000	1.100	2.800	
V	Công nghiệp, điện	1		168.000	168.000	10.000	4.147	32.000		9.000	
1	Dự án Di chuyển đường dây 110kV Mộc Châu - Mai Châu, Hòa Bình	Ban QLDA dân dụng công nghiệp và PTĐT	89 13/01/2025	168.000	168.000	10.000	4.147	32.000		9.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 573/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ ngân sách Trung ương năm 2025 để thực hiện
nhiệm vụ quản lý, duy tu sửa chữa các tuyến đường giao thông
Trung ương bàn giao về địa phương quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương phân bổ cho Bộ Xây dựng và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho UBND các tỉnh, thành phố thuộc trung ương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-BTC ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét Tờ trình số 675/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025, Báo cáo số 853/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1224/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ ngân sách trung ương năm 2025 để thực hiện nhiệm vụ quản lý, duy tu sửa chữa các tuyến đường giao thông Trung ương bàn giao về địa phương quản lý, số tiền: 97.109,599 triệu đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, một trăm linh chín triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn đồng*), trong đó:

1. Bảo dưỡng thường xuyên và vận hành khai thác: 20.578,476 triệu đồng (*gồm: Bảo dưỡng thường xuyên 16.840,641 triệu đồng; Vận hành, khai thác bến phà Vạn Yên, QL.43: 3.737,835 triệu đồng*).

2. Sửa chữa định kỳ: 17.737,271 triệu đồng.

3. Sửa chữa đột xuất: 58.373,500 triệu đồng.

4. Công tác khác: 420,352 triệu đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh năm 2025 theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

Phụ lục
PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 QUẢN LÝ, DUY TU SỬA CHỮA
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRUNG ƯƠNG BÀN GIAO CHO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 573/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục công việc	Địa điểm xây dựng	Đơn vị tính	Khối lượng chủ yếu	Tổng mức đầu tư	Dự toán chi đã được Bộ Xây dựng giao 06 tháng đầu năm tại QĐ số 1812	Đề xuất giao dự toán 06 tháng cuối năm 2025	Quyết định phê duyệt dự án	Phân bổ dự toán năm 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG SỐ (A + B + C + D):				192.023,150	19.064,774	97.109,599		97.109,599	
A	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN VÀ VẬN HÀNH KHAI THÁC				42.978,790	19.064,774	20.578,476		20.578,476	
1	Bảo dưỡng thường xuyên		Km	685,27	36.990,000	17.146,304	16.840,641		16.840,641	
2	Vận hành, khai thác bến phà Vạn Yên, QL.43				5.988,790	1.918,470	3.737,835		3.737,835	
B	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ				32.869,000		17.737,271		17.737,271	
*	Khởi công mới				32.869,000		17.737,271		17.737,271	
1	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km 44 – Km 50 (xã Yên Sơn, xã Cò Nòi), QL.6C	Trên QL.6C, tỉnh Sơn La	Km	6,00	32.869,000		17.737,271	Quyết định phê duyệt số 2684/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	17.737,271	
C	SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT				115.755,008		58.373,500		58.373,500	
*	Sửa chữa đột xuất khác năm 2025				115.755,008		58.373,500		58.373,500	

STT	Hạng mục công việc	Địa điểm xây dựng	Đơn vị tính	Khối lượng chủ yếu	Tổng mức đầu tư	Dự toán chi đã được Bộ Xây dựng giao 06 tháng đầu năm tại QĐ số 1812	Đề xuất giao dự toán 06 tháng cuối năm 2025	Quyết định phê duyệt dự án	Phân bổ dự toán năm 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Quốc lộ 4G				44.453,000		22.226,500		22.226,500	
1.1	Sửa chữa đột xuất sạt lở ta luy âm các vị trí Km 16 + 050 – Km 16 + 080, Km 20 + 485 -Km 20 + 505, Km 28 + 070 – Km 28 + 100, Km 103 + 556 – Km 103 + 574; xử lý ngập úng cục bộ đoạn Km 83 + 740 – Km 84 + 080; gia cố mái ta luy dương sạt lở đá Km 117 + 650 - Km 117 + 800 trên QL.4G	Trên QL.4G, tỉnh Sơn La	Vị trí	6,00	44.453,000		22.226,500	Quyết định phê duyệt số 2683/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	22.226,500	
2	Quốc lộ 12				7.008,008		4.000,000		4.000,000	
2.1	Sửa chữa đột xuất sạt lở ta luy âm, hư hỏng công trình các đoạn tuyến Km 287 + 680 - Km 287 + 687, Km 292 + 693 - Km 292 + 709, Km 297 + 950 – Km 297 + 968, công Km 299 + 491 trên QL.12	Trên QL.12, tỉnh Sơn La	Vị trí	4,00	7.008,008		4.000,000	Quyết định phê duyệt số 2662/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	4.000,000	
3	Quốc lộ 43				28.400,000		14.200,000		14.200,000	
3.1	Sửa chữa đột xuất sạt lở ta luy âm, hư hỏng công trình các đoạn Km 21 + 420 – Km 21 + 436, Km 22 + 750 – Km 22 + 850, Km 48 + 680, Km 48 + 780, Km 63 + 000 – Km 63 + 200, Km 65 + 500 – Km 65 + 600, Sửa chữa hư hỏng tràn liên hợp Km 42 + 450; Sửa chữa hư hỏng cầu vòm	Trên QL.43, tỉnh Sơn La	Vị trí	7,00	28.400,000		14.200,000	Quyết định phê duyệt số 2685/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	14.200,000	

STT	Hạng mục công việc	Địa điểm xây dựng	Đơn vị tính	Khối lượng chủ yếu	Tổng mức đầu tư	Dự toán chi đã được Bộ Xây dựng giao 06 tháng đầu năm tại QĐ số 1812	Đề xuất giao dự toán 06 tháng cuối năm 2025	Quyết định phê duyệt dự án	Phân bổ dự toán năm 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Km 109 + 730 trên QL.43									
4	Quốc lộ 279				10.550,000		5.275,000		5.275,000	
4.1	Sửa chữa đột xuất sụt trượt ta luy âm các đoạn Km 239 + 420 - Km 239 + 490, Km 245 + 470 - Km 245 + 495, Km 247 + 415 - Km 247 + 435, Km 248 + 00 - Km 248 + 050, sửa chữa hạ lưu cống Km 257 + 688 trên QL.279	Trên QL.279, tỉnh Sơn La	Vị trí	5,00	10.550,000		5.275,000	Quyết định phê duyệt số 2663/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	5.275,000	
5	Quốc lộ 279D				19.234,000		9.617,000		9.617,000	
5.1	Sửa chữa đột xuất sụt trượt ta luy âm các đoạn Km 48 + 260 - Km 48 + 280, Km 55 + 080 - Km 55 + 090, Km 79 + 340 - Km 79 + 350; sửa chữa hư hỏng mặt đường tại Km 84 + 500 - Km 84 + 515; sửa chữa hư hỏng 02 cầu Km 72 + 874, Km 73 + 693 và sửa chữa, gia cố các cống thoát nước ngang đường tại Km 72 + 400, Km 72 + 753, Km 73 + 280, Km 75 + 152, Km 82 + 870 và rãnh dọc thoát nước đoạn Km 73 + 183 - Km 73 + 652 kết hợp sửa chữa cục bộ hư hỏng mặt đường, lề đường trên QL.279D	Trên QL.279D, tỉnh Sơn La	Vị trí	11,00	19.234,000		9.617,000	Quyết định phê duyệt số 2682/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	9.617,000	
6	Quốc lộ 37				6.110,000		3.055,000		3.055,000	

STT	Hạng mục công việc	Địa điểm xây dựng	Đơn vị tính	Khối lượng chủ yếu	Tổng mức đầu tư	Dự toán chi đã được Bộ Xây dựng giao 06 tháng đầu năm tại QĐ số 1812	Đề xuất giao dự toán 06 tháng cuối năm 2025	Quyết định phê duyệt dự án	Phân bổ dự toán năm 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6.1	Sửa chữa đột xuất sạt lở ta luy âm, hư hỏng công trình các đoạn tuyến Km 410 + 530 - Km 410 + 573, Km 439 + 440 - Km 439 + 448, Km 440 + 210, Km 440 + 250, Km 440 + 600, Km 440 + 630, Km 442 + 620, Km 442 + 660, Km 443 + 047 trên QL.37	Trên QL.37, tỉnh Sơn La	Vị trí	9,00	6.110,000		3.055,000	Quyết định phê duyệt số 2681/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	3.055,000	
D	CÔNG TÁC KHÁC				420,352		420,352		420,352	
1	Đánh giá an toàn các cầu: Sông Mã Km 90 + 060/QL.4G, Quốc lộ 4G; Bàn Môn Km 78 + 299/QL.279D, Nậm Pàn Km 87 + 120/QL.279D	Tỉnh Sơn La	Cầu	3,00	420,352		420,352	Quyết định phê duyệt số 736/QĐ-CĐBVN ngày 30/5/2025	420,352	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 574/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách
địa phương cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025
của ngân sách cấp tỉnh (đợt 3)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước;

Xét Tờ trình số 674/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 1224/BC-KTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung 11.496,562 triệu đồng từ số vốn ngân sách cấp huyện giao tăng thêm so với số kế hoạch được HĐND tỉnh giao vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương. Gồm:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.329,064 triệu đồng.
- Nguồn tiết kiệm chi: 10.167,498 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý, cụ thể:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 11.771,070 triệu đồng.
2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Bắc Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 10.167,498 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 1.329,064 triệu đồng.

- Điều chỉnh danh mục, mức vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý đã được điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý tại Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025: 274,508 triệu đồng.

(chi tiết Biểu số 02 và 02.1, 02.2, 02.3 kèm theo)

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư năm 2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 464,907 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 1,958 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 12,949 triệu đồng.

- Điều chỉnh danh mục, mức vốn kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Thuận Châu (cũ) đã được điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý tại Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025: 450 triệu đồng.

(chi tiết Biểu số 03, 03.1, 03.2, 03.3 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

Biểu số 01
BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
TỪ SỐ VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐÃ GIAO TĂNG THÊM SO VỚI SỐ KẾ HOẠCH ĐƯỢC HĐND TỈNH GIAO
(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025 bổ sung	Ghi chú
	TỔNG SỐ	11.496,562	
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1.329,064	
2	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách	10.167,498	

Biểu số 02
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CŨ
QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (ĐỢT 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm năm 2025 cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (Đợt 3)			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn thu khác	
	TỔNG SỐ	11.496,562	1.329,064	10.167,498	
1	Huyện Bắc Yên (cũ)	10.167,498		10.167,498	Chi tiết biểu số 2.1
2	Huyện Sốp Cộp (cũ)	1.329,064	1.329,064		Chi tiết biểu số 2.2

Biểu số 02.1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
HUYỆN BẮC YÊN (CŨ) QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng												
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn đã giao từ năm 2021 - 2024	Tổng số			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ						24.119	24.119	19.441,924	9.272,887	10.167,498	
A	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI VÀ NGUỒN THU KHÁC						24.119	24.119	19.441,924	9.272,887	10.167,498	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						24.119	24.119	19.441,924	9.272,887	10.167,498	
1	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2024 - 2025	702 07/6/2024	8.280	8.280		6.350,119	2.500,000	3.850,119	Phân bổ tại QĐ 472/QĐ-UBND ngày 17/4/2025; Phân bổ tại QĐ 504/QĐ-UBND ngày 21/4/2025
2	Trụ sở Ban Chi huy quân sự xã Hàng Đồng	Ban Chi huy quân sự huyện	Bản Háng Đồng, xã Háng Đồng	2024 - 2025	724 11/6/2024	1.570	1.570		1.570,000	1.074,447	495,553	Phân bổ tại QĐ 472/QĐ-UBND ngày 17/4/2025
3	Nhà bán trú cho học sinh và các hạng mục khác thuộc Trường Tiểu học xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Bản Nà Dòn, xã Chiềng Sại	2025	255 04/3/2025	1.000	1.000		1.000,000		999,206	Phân bổ tại QĐ 504/QĐ-UBND ngày 21/4/2025

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Sửa chữa tường rào Trường Tiểu học xã Hang Chú	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Bản Hang Chú, xã Hang Chú	2025	369 26/3/2025	909	909	908,800		908,159	908,159	Phân bổ tại QĐ 504/QĐ-UBND ngày 21/4/2025
5	Xử lý sạt lở phía sau trường Mầm non Bình Minh, xã Hang Chú	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Bản Hang Chú, xã Hang Chú	2025	371 26/3/2025	130	130	130,000		130,000	130,000	Phân bổ tại QĐ 504/QĐ-UBND ngày 21/4/2025
6	Phòng họp HĐND-UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2023 - 2024	851 15/8/2023	5.950	5.950	5.568,224	4.768,605	799,619	799,619	Phân bổ tại QĐ 472/QĐ-UBND ngày 17/4/2025
7	Nâng cấp, sửa chữa phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Thị trấn	2024 - 2026	229 26/02/2025	2.495	2.495	130,000		130,000	130,000	Phân bổ tại QĐ 472/QĐ-UBND ngày 17/4/2025
8	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Chợ trung tâm Bắc Yên	UBND xã Bắc Yên	Tiểu khu 3, Thị trấn	2024	735-28/5/2025	1.685	1.685	1.684,781	929,835	754,946	754,946	Phân bổ tại QĐ 472/QĐ-UBND ngày 17/4/2025
9	Đổ bê tông đường nội bản từ đầu cầu Suối Tù đến đường Tỉnh lộ 111	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Xã Chim Vàn	2025	374-26/3/2025	2.100	2.100	2.100,000		2.099,896	2.099,896	Phân bổ tại QĐ 504/QĐ-UBND ngày 21/4/2025

Biểu số 02.2
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
HUYỆN SÓP CỘP (CŨ) QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng												
TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số					
	TỔNG SỐ						12.494,413	1.603,572	1.605,530	1.329,064	1.329,064	
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT						12.494,413	1.603,572	1.605,530	1.329,064	1.329,064	
1	Nhà bán trú điểm trung tâm trường PTDT BT Tiểu học Mường Lạn xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Xã Mường Lạn	2024 - 2025	1364 19/11/2024		12.494,413	1.603,572	1.605,530	1.329,064	1.329,064	Phân bổ tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 24/6/2025

Biểu số 02.3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH HUYỆN SÓP CỘP (CŨ) QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh tại Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025	Phương án điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ						39.664,588	39.664,588	274,508	274,508	3.799,855	
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH HUYỆN						39.664,588	39.664,588	274,508	274,508	3.799,855	
1	Quy hoạch nông thôn mới Xã Dồm Cang	UBND xã Dồm Cang	Xã Dồm Cang	2020 - 2021	1403 06/11/2019	163,422	163,422	47,563	2,851		44,712	Điều chỉnh tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 24/6/2025
2	Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/2000 căn cứ hậu phương - căn cứ hậu cần kỹ thuật, căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện Sốp Cộp	Ban Chi huy quân sự huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2020 - 2022	10 06/01/2020	1.896,864	1.896,864	1.048,785	216,170		832,615	Điều chỉnh tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 24/6/2025
3	Trận địa pháo phòng không 12,7mm huyện Sốp Cộp GD I	Ban Chi huy quân sự huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2020 - 2021	1333 16/10/2018	3.612,540	3.612,540	140,768	26,551		114,217	Điều chỉnh tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 24/6/2025
4	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2022 - 2024	16500	16.500,000	16.500,000	1.572,739	10,000		1.562,739	Điều chỉnh tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 24/6/2025

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh tại Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025	Phương án điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
5	Cải tạo nâng cấp, sửa chữa các hạng mục chỉnh trang đô thị Trung tâm hành chính huyện (kỷ niệm 20 năm thành lập huyện)	UBND xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2024 - 2025	433 09/5/2024	4.997,349	4.997,349	990,000	18,936		971,064	Điều chỉnh tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 24/6/2025
6	Nhà bán trú điểm trung tâm trường PTDT BT Tiểu học Mường Lạn xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2024 - 2025	1364 19/11/2024	12.494,413	12.494,413			274,508	274,508	Điều chỉnh tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 24/6/2025

Biểu số 03
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐƯỢC PHÉP Kéo dài thời gian
THỰC HIỆN GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ VÀO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (ĐỢT 1)
(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 của cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG SỐ	14,907	14,907	
1	Huyện Sốp Cộp (cũ)	1,958	1,958	Chi tiết biểu số 03.1
2	Huyện Quỳnh Nhai (cũ)	12,949	12,949	Chi tiết biểu số 03.2

Biểu số 03.1
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CỐ THẨM QUYỀN CHO PHÉP Kéo dài THỜI GIAN
THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN SÓP CỘP (CŨ) QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh vào về ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ			12.494,413		1,958	1,958	
I	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất			12.494,413		1,958	1,958	
1	Nhà Bán trú điểm trung tâm trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Mường Lạn, xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp	1364 19/11/2024	12.494,413		1,958	1,958	

Biểu số 03.2

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN QUỲNH NHAI (CŨ) QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh vào về ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ			24.009,188	24.009,188	12,949	12,949	
I	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất			24.009,188	24.009,188	12,949	12,949	
1	Sửa chữa nâng cấp chợ phiên	Ban QLDA ĐTXD Quỳnh Nhai	1700 21/8/2022	1.012,000	1.012,000	10,686	10,686	Kéo dài tại QĐ 352/QĐ-UBND ngày 28/02/2025
2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát xã Cà Nàng	Ban QLDA ĐTXD Quỳnh Nhai	2003 27/9/2022	22.997,188	22.997,188	2,263	2,263	Kéo dài tại QĐ 352/QĐ-UBND ngày 28/02/2025

Biểu số 03.3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN THUẬN CHÂU CŨ QUẢN LÝ)

(Kèm theo Nghị quyết số 574/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng										
TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh tăng	Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh tăng	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ			8.480,000	8.480,000	1.850,000	450,000	450,000	1.850,000	
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH HUYỆN			8.480,000	8.480,000	1.850,000	450,000	450,000	1.850,000	
1	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu (hạng mục vườn hoa cây xanh)	UBND xã Thuận Châu	5001 25/11/2024	1.430,000	1.430,000	1.200,000	450,000		750,000	Điều chỉnh tại Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Thuận Châu
2	Nhà quản lý điều hành, đường công vụ, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, sân bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác tại Khu lịch sử - văn hóa đèo Pha Đin	UBND xã Mường Ě	3807 31/8/2024	7.050,000	7.050,000	650,000		450,000	1.100,000	Điều chỉnh tại Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Thuận Châu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 575/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh thông tin dự án, điều chỉnh kế hoạch
đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 vốn
ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 6600/BNNMT-VPQG ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2025;

Xét Tờ trình số 661/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2025; Tờ trình số 669/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La; Báo cáo

thẩm tra số 916/BC-DT ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh thông tin dự án, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

1.1. Điều chỉnh thông tin các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

a) Đối với Tiểu dự án 2, Dự án 10

a1) Điều chỉnh thông tin về quy mô dự án:

- Quy mô đã được phê duyệt: 71 điểm thuộc xã khu vực III, và xã khu vực I, II nhưng có bản đặc biệt khó khăn.

- Quy mô điều chỉnh: 52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn.

a2) Điều chỉnh thông tin về địa điểm thực hiện:

- Địa điểm đã được phê duyệt: 71 điểm thuộc xã khu vực III, và xã khu vực I, II nhưng có bản đặc biệt khó khăn.

- Địa điểm điều chỉnh: 52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn.

a3) Điều chỉnh thông tin về tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 21.141 triệu đồng.

- Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 8.564,990 triệu đồng.

(chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

b) Đối với Tiểu dự án 1, Dự án 4

b1) Điều chỉnh thông tin về cấp đường:

(1) Đường từ ngã 3 Đồn Biên phòng Lóng Phiêng - Đến bản Co lác - Đến bản Nà Mùa, xã Lóng Phiêng.

- Quy mô đã được phê duyệt: 7,5 km.

- Quy mô điều chỉnh: 7,5 km - Đường GTNT cấp C.

(2) Đường liên bản Mòng - Pá Nó, xã Tà Hộc.

- Quy mô đã được phê duyệt: Chiều dài tuyến L= 6,5 km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 6,5 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(3) Đường từ bản Nhôm đi Hua Mi, xã Yên Châu.

- Quy mô đã được phê duyệt: 5 km.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 5 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(4) Đường từ bản Suối Khang đi bản Suối Ngang, xã Suối Tọ.

- Quy mô đã được phê duyệt: 3,2 km.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 3,2 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(5) Đường Tong Chinh - Na Va, xã Phiêng Cầm.

- Quy mô đã được phê duyệt: 7 km.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 7 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(6) Đường Phiêng Phụ B - Xà Liệt, xã Phiêng Cầm.

- Quy mô đã được phê duyệt: 4 km.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 4 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

b2) Điều chỉnh thông tin về quy mô dự án:

(1) Đường giao thông đi bản Hua Lạnh xã Sốp Cộp (*từ cầu tràn đi bản Hua Lạnh*).

- Quy mô đã được phê duyệt: 5,5 km.

- Quy mô đề nghị điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 5 km - Đường GTNT cấp C.

(2) Đường từ bản Pa Kha 2 - Đến bản Pa kha 3, xã Lóng Phiêng.

- Quy mô đã được phê duyệt: 2 km.

- Quy mô điều chỉnh: 2,5 km - Đường GTNT cấp B.

(3) Đường giao thông liên từ bản Hin Pên - bản Huổi Phẳng, xã Mường Lầm.

- Quy mô đã được phê duyệt: Chiều dài tuyến L= 7,2 km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 5 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(4) Đường giao thông từ bản Mễn đến bản Thắm Cọng, xã Chiềng Lao.

- Quy mô đã được phê duyệt: Chiều dài tuyến L= 5,4 km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 3 Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(5) Đường từ bản Lũng Khoai đi bản Suối Tọ, xã Suối Tọ.

- Quy mô đã được phê duyệt: 3,7 km.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 2,66 km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(6) Dự án đường giao thông từ bản Bãi Vàng đi bản Liên Hợp, xã Kim Bon.

- Quy mô đã được phê duyệt: 5,8 Km.

- Quy mô đề nghị điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 5,4 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(7) Dự án đường giao thông từ bản Suối Vạch, bản Suối Kênh (xã Kim Bon cũ) đến bản Suối Tiều, bản Tang Lang (xã Đá Đỏ cũ).

- Quy mô đã được phê duyệt: 13 Km.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 11,186 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(8) Dự án Nâng cấp tuyến đường từ bản Sai - bản Tin Tộc, xã Chiềng Khương.

- Quy mô đã được phê duyệt: Chiều dài tuyến L= 2,5Km.

- Quy mô điều chỉnh: Chiều dài tuyến L= 1,3 km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014.

(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

1.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

a) Đối với Tiểu dự án 2, Dự án 10

- Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh: 6.435 triệu đồng.

- Phương án điều chỉnh:

+ Điều chỉnh giảm 6.435 triệu đồng kế hoạch vốn đã giao thực hiện dự án Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin thuộc Tiểu dự án 2, dự án 10 do điều chỉnh giảm quy mô đầu tư và tổng mức đầu tư dự án.

+ Số vốn thu hồi 6.435 triệu đồng để lại phân bổ chi tiết sau.

b) Đối với Tiểu dự án 1, Dự án 4

- Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh: 34.750 triệu đồng.

- Phương án điều chỉnh:

+ Điều chỉnh giảm 34.750 triệu đồng kế hoạch vốn đã giao thực hiện 06 dự án do chủ đầu tư đề nghị dừng thực hiện, điều chỉnh tuyến.

+ Số vốn thu hồi 34.750 triệu đồng phân bổ thực hiện 06 dự án đường giao thông đến các bản đặc biệt khó khăn thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4.

(chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

1.3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 10

- Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh: 12.576 triệu đồng.

- Phương án điều chỉnh:

+ Điều chỉnh giảm 12.576 triệu đồng đã giao thực hiện dự án “Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin”, thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 10 do điều chỉnh giảm quy mô đầu tư và tổng mức đầu tư dự án.

+ Số vốn thu hồi 12.576 triệu đồng để lại phân bổ chi tiết sau.

(chi tiết tại biểu số 03 kèm theo)

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

2.1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025

a) Điều chỉnh giảm 16.353,384 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương đã giao, cụ thể:

- Vốn ngân sách cấp tỉnh thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) *(tại Nghị quyết số 502/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của HĐND tỉnh)*: 14.860 triệu đồng.

- Vốn ngân sách cấp huyện quản lý đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý chưa phân bổ chi tiết tại phần III, Biểu số 12 của Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh: 1.493,384 triệu đồng *(thu hồi từ ngân sách thành phố Sơn La cũ chưa phân bổ chi tiết)*.

b) Số vốn thu hồi 16.353,384 triệu đồng:

- Phân bổ 1.312,552 triệu đồng cho 09 dự án ngân sách cấp huyện quản lý đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh có nhu cầu bổ sung vốn, có khả năng hoàn thành giải ngân trong năm 2025.

- Phân bổ 15.040,832 triệu đồng cho 08 dự án khởi công mới năm 2025.

(chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo)

2.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025

a) Điều chỉnh giảm 16.353,384 triệu đồng kế hoạch năm 2025 vốn ngân sách Trung ương đã giao, trong đó:

- Điều chỉnh giảm 14.860 triệu đồng kế hoạch vốn ngân sách cấp tỉnh thực hiện Hỗ trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm *(đã giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh)*.

- Điều chỉnh giảm 1.493,384 triệu đồng kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện quản lý đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý chưa phân bổ chi tiết tại phần III, Biểu số 12 của Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh *(thu hồi từ ngân sách thành phố Sơn La cũ chưa phân bổ chi tiết)*.

b) Số vốn thu hồi 16.353,384 triệu đồng:

- Phân bổ 1.312,552 triệu đồng cho 09 dự án ngân sách cấp huyện quản lý đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh có nhu cầu bổ sung vốn, có khả năng hoàn thành giải ngân trong năm 2025.

- Phân bổ 15.040,832 triệu đồng cho 08 dự án khởi công mới năm 2025 *(sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các dự án khi đảm bảo đủ thủ tục đầu tư theo quy định)*.

(chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo)

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

3.1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 4 chương trình Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh.

a) Tổng vốn điều chỉnh: 1.092 triệu đồng.

b) Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Bắc Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 101 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Mai Sơn (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 158 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Mộc Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 81 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Phù Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 124 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 74 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Mường La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 124 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Sông Mã (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 181 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Yên Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 101 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Vân Hồ (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 72 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Tiểu dự án 3 dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giao huyện Thành phố (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 76 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 06 kèm theo)

3.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cụ thể:

a) Tổng vốn điều chỉnh: 6.671,831 triệu đồng

b) Phương án điều chỉnh:

b1) Điều chỉnh giảm: 6.671,831 triệu đồng đã giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, cụ thể:

- Trường Cao đẳng Sơn La: giảm 2.000,0 triệu đồng, gồm:

+ Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 240,0 triệu đồng.

+ Dự án Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống thực hành tích hợp: 1.760,0 triệu đồng.

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La: giảm 4.671,8 triệu đồng, gồm:

+ Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 4.500,0 triệu đồng.

+ Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất: 171,8 triệu đồng.

b2) Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho Tiểu dự án 1, Dự án 1: 6.671,831 triệu đồng để phân bổ, giao bổ sung cho các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững cấp huyện (cũ) đã phê duyệt, đang thực hiện đã được UBND tỉnh chuyển cho Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp, Thuận Châu làm chủ đầu tư: 07 dự án.

(chi tiết tại Biểu số 07 kèm theo)

3.3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Tổng vốn điều chỉnh: 6.671,831 triệu đồng.

b) Phương án điều chỉnh:

b1) Điều chỉnh giảm vốn kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 Tiểu dự án 1, Dự án 4 (*Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững*), tổng số 6.671,8 triệu đồng, cụ thể:

- Trường Cao đẳng Sơn La: 2.000,0 triệu đồng, gồm:

+ Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 240,0 triệu đồng;

+ Dự án Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống thực hành tích hợp: giảm 1.760,0 triệu đồng.

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La: giảm 4.671,8 triệu đồng, gồm:

+ Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 4.500,0 triệu đồng;

+ Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La: 171,8 triệu đồng.

b2) Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư kế hoạch năm 2025 cho Tiểu dự án 1, Dự án 1: 6.671,831 triệu đồng để phân bổ, giao bổ sung cho các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững cấp huyện (cũ) đã phê duyệt, đang thực hiện đã được UBND tỉnh chuyển cho Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp, Thuận Châu làm chủ đầu tư: 07 dự án.

(chi tiết tại Biểu số 08 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và phân bổ chi tiết, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 36, thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

Biểu số 01
ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOQ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án						Ghi chú
			Đã phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				
						Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh	Đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh			
									Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW	Dự kiến tổng mức đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	18
	TỔNG SỐ							203.788	203.788	8.565	8.565	-
A	TIỂU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 10							21.141	21.141	8.565	8.565	-
I	ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 516/NQ-HĐND NGÀY 23/6/2025							21.141	21.141	8.565	8.565	-
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							21.141	21.141	8.565	8.565	-
1	Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	71 điểm thuộc xã khu vực III, và xã khu vực I, khu vực II nhưng có bản đặc biệt khó khăn.	52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn.	2025	71 điểm thuộc xã khu vực III, và xã khu vực I, khu vực II nhưng có bản đặc biệt khó khăn.	52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn	21.141	21.141	8.565	8.565	Tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án được phê duyệt
2	Chưa phân bổ chi tiết											
B	TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4							182.647	182.647	-	-	-

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án					Ghi chú
						Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn			
			Đã phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh				Đã được phê duyệt		Đề nghị điều chỉnh	
						Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW				
I	ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN VỀ CẤP ĐƯỜNG, BỔ SUNG DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 546/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2025							82.390	82.390	-	-
1	Đường từ Ngã 3 Đồn Biên phòng Lóng Phiêng - Đến bản Co lác - Đến bản Nà Mùa	UBND xã Lóng Phiêng	Xã Lóng Phiêng		2025 - 2026	7,5 km	7,5 km - Đường GTNT cấp C	14.990	14.990		
2	Đường liên bản Móng - Pá Nó	UBND xã Tà Hộc	Xã Tà Hộc		2025 - 2026	Chiều dài tuyến L= 6,5Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	Chiều dài tuyến L= 6,5Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	18.200	18.200		
3	Đường từ bản Nhóm đi Hua Mi, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La	UBND xã Yên Châu	Xã Yên Châu		2025 - 2026	5 km	Chiều dài tuyến L= 5 Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	18.500	18.500		
4	Đường từ bản Suối Khang đi bản Suối Ngang	UBND xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ		2025 - 2026	3,2 km	Chiều dài tuyến L= 3,2 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	6.500	6.500		
5	Đường Tong Chính - Na Va	UBND xã Phiêng Cầm	Điểm đầu: Bản Tong Chính; Điểm cuối: Bản Na Va		2025 - 2026	7 km	Chiều dài tuyến L= 7 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	15.400	15.400		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án				Ghi chú
						Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn		
			Đã phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh				Đã được phê duyệt		
						Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW			
6	Đường Phiêng Phụ B - Xã Liệt	UBND xã Phiêng Cầm	Điểm đầu: Bán Phiêng Phụ B; Điểm cuối: Bán Xã Liệt		2025 - 2026	4 km	Chiều dài tuyến L= 4 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	8.800	8.800	
II	ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN VỀ QUY MÔ DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 546/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2025							100.257	100.257	-
1	Đường giao thông đi bản Hua Lạnh xã Sốp Cộp (từ cầu tràn đi bản Hua Lạnh).	UBND xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp		2025-2026	5,5 km	5 km - Đường GTNT cấp C	14.950	14.950	
2	Đường từ bản Pa Kha 2 - Đến bản Pa kha 3	UBND xã Lóng Phiêng	Xã Lóng Phiêng		2025-2026	2 km	2,5 km - Đường GTNT cấp B	8.617	8.617	
3	Đường giao thông liên từ bản Hin Pén - bản Huôi Pháng, xã Mường Lầm	UBND xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		2025-2026	Chiều dài tuyến L= 7,2 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	Chiều dài tuyến L= 5 Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	17.200	17.200	
4	Đường giao thông từ bản Mến đến bản Thăm Cọng, xã Chiềng Lao	UBND xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao		2025-2026	Chiều dài tuyến L= 5,4 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	Chiều dài tuyến L= 3 Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	9.200	9.200	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án				Ghi chú
			Đã phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn		
						Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh	Đã được phê duyệt		
								Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW	
5	Đường từ bản Lũng Khoai đi bản Suối Tọ	UBND xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ		2025-2026	3,7 km	Chiều dài tuyến L= 2,66 km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	7.500	7.500	
6	Dự án đường giao thông từ bản Bãi Vàng đi bản Liên Hợp	UBND xã Kim Bon	Xã Kim Bon		2025-2026	5,8 Km	Chiều dài tuyến L= 5,4 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	11.990	11.990	
7	Dự án đường giao thông từ bản Suối Vạch, bản Suối Kênh (xã Kim Bon cũ) đến bản Suối Triều, bản Tang Lang (xã Đá Đỏ cũ)	UBND xã Kim Bon	Xã Kim Bon		2025 - 2026	13 Km	Chiều dài tuyến L= 11,186 km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	25.700	25.700	
8	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sai - bản Tin Tóc, xã Chiềng Khương	UBND xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương		2025 - 2026	Chiều dài tuyến L= 2,5Km	Chiều dài tuyến L= 1,3km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	5.100	5.100	

Biểu số 02
BIỂU ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI, PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THUỘC TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện						Quy mô đầu tư				Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt		Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch vốn đã giao	Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh				
			Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng để nghị điều chỉnh			Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung		Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư			Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư		Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
	TỔNG SỐ								126.841	126.841	113.465	113.465	49.750	41.185	41.185	49.750				
A	TIỂU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 10					-	-	-	21.141	21.141	8.565	8.565	15.000	6.435	6.435	15.000	-			
I	ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN DỰ ÁN ĐƯỢC DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 516/NQ-HĐND NGÀY 23/6/2025					-	-	-	21.141	21.141	8.565	8.565	15.000	6.435	6.435	15.000	-			
1	TIỂU DỰ ÁN 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					-	-	-	21.141	21.141	8.565	8.565	15.000	6.435	6.435	15.000	-			
1	Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	71 điểm thuộc xã khu vực III, và xã khu vực I, II nhưng có bản đặc biệt khó khăn.	52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn.	2025		71 điểm thuộc xã khu vực III, và xã khu vực I, II nhưng có bản đặc biệt khó khăn.	52 điểm xã thuộc xã khu vực III và các xã khu vực I, khu vực II có bản đặc biệt khó khăn.	21.141	21.141	8.565	8.565	15.000	6.435		8.565	Tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án được phê duyệt			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú							
			Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư			Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn		Kế hoạch vốn đã giao	Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh	
													Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
			Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ			
2	Chưa phân bổ chi tiết									105.700	105.700	104.900	104.900		6.435	6.435
B	TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4									105.700	105.700	104.900	104.900	34.750	34.750	34.750
I	ĐIỀU CHỈNH GIÁM DANH MỤC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 546/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2025															
1	Nâng cấp tuyến đường từ bản Pá Chóng - bản Nậm Ún, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La	UBND xã Mường Bám	Xã Mường Bám		2025 - 2026		Chiều dài tuyến L= 5,0 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		18.500	18.500				6.082		
2	Đường giao thông từ bản Ta Tạng đi bản Nà Hỷ, xã Mường Hung.	UBND xã Mường Hung	Xã Mường Hung		2025 - 2026		Chiều dài tuyến L= 4 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		13.500	13.500				4.438		
3	Đường giao thông từ bản Nà Bon đi bản Nhọt Có, xã Mường Hung	UBND xã Mường Hung	Xã Mường Hung		2025 - 2026		Chiều dài tuyến L= 3,3 Km - Đường cấp B theo		12.000	12.000				3.945		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú								
			Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư			Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn							
										Đã được phê duyệt		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch vốn đã giao	Phương án điều chỉnh, phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh
															Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
			Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
							tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014										
4	Đường vào bản Hua Lành, xã Muối Nội.	UBND xã Muối Nội	Xã Muối Nội		2025 - 2026		khoảng L=5,0Km		15.000	15.000		4.931	4.931				
5	Đường liên bản Nà Lòi - Bản Suối Khẩu - Bản Bó, xã Tô Múa	UBND xã Tô Múa	Xã Tô Múa		2025 - 2026		Chiều dài tuyến L= 11,0Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		26.000	26.000		8.548	8.548				
6	Đường liên bản Năm Luông - bản Tông Tai, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La	UBND xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung		2025 - 2026		Chiều dài tuyến L= 8,0Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		20.700	20.700		6.805	6.805				
II	PHÂN BỐ NGUỒN VỐN DƯ SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỦA TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4													-	34.750	-	34.750

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Ghi chú					
			Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn			Kế hoạch vốn đã giao	Phương án phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh	
													Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
			Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung		Dự kiến tổng mức đầu tư			Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư

1	Nâng cấp tuyến đường liên bản Cầm Cắn - Pá Sàng đi trung tâm xã Mường Bám, tỉnh Sơn La	UBND xã Mường Bám		Điểm đầu: bản Cầm Cắn, xã Mường Bám.Điểm cuối: Núi vào Tỉnh lộ 108	2025 - 2026		Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung		18.500	18.500	6.082	6.082	
2	Đường giao thông từ bản Nà Hỳ đến bản Bó Lạ, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La	UBND xã Mường Hung		Xã Mường Hung	2025 - 2026			Chiều dài tuyến L= 3,2Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		16.000	16.000	5.260	5.260	
3	Đường giao thông từ bản Ta Tạng đến bản Có, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La.	UBND xã Mường Hung		Xã Mường Hung	2025 - 2026			Chiều dài tuyến L= 3,2Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		9.500	9.500	3.123	3.123	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Ghi chú				
			Địa điểm xây dựng		Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn					Kế hoạch vốn đã giao	Phương án phân bổ		Kế hoạch vốn sau chỉnh
									Đã được phê duyệt	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
			Địa điểm xây dựng đã được phê duyệt	Địa điểm xây dựng đề nghị điều chỉnh	Thời gian thực hiện đã được phê duyệt	Thời gian thực hiện điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung		Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ					
4	Đường Hua Lanh - Pà Lầu	UBND xã Muối Nọi		Xã Muối Nọi	2025 - 2026			Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung			15.000	15.000		4.931	4.931	
5	Đường liên bản Nà Lồi - Bản Suối Khẩu, xã Tô Múa	UBND xã Tô Múa		Xã Tô Múa	2025 - 2026				Chiều dài tuyến L= 6,1Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014			26.000	26.000		8.548	8.548	
6	Đường liên bản Sải Luang - Nậm Luông – Tong Tai, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La	UBND xã Chiềng Sung		Xã Chiềng Sung	2025 - 2026				Chiều dài tuyến L= 7,91Km - Đường cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014			19.900	19.900		6.805	6.805	

Biểu số 03

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2025				Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Tỷ lệ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ			8.565	8.565	331	21.141	20.810	-	-	20.810	12.576	12.576	20.810	
I	Điều chỉnh giảm			8.565	8.565	331	21.141	20.810	-	-	20.810	12.576	-	8.234	
1	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			8.565	8.565	331	21.141	20.810	-	-	20.810	12.576	-	8.234	
*	Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin			8.565	8.565	331	21.141	20.810	-	-	20.810	12.576	-	8.234	
1.1	Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	2532 08/10/2025	8.565	8.565	331	21.141	20.810	-	-	20.810	12.576	-	8.234	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2025				Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Tỷ lệ					
1.2	Kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025							669			669	669		-	
	Kế hoạch vốn năm 2025							20.141			20.141	11.907		8.234	
II	Phân bổ chi tiết sau												12.576	12.576	

Biểu số 04
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Chủ Đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh					Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn CTMTQG	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 (Nguồn vốn CTMTQG)		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	
									Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
	TỔNG SỐ						17.921,653	17.022,454	29.445,471	13.092,087	16.353,384	16.353,384	29.445,471	
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM								16.353,384		16.353,384			
1	Ngân sách cấp tỉnh thực hiện hỗ trợ Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) (giao tại Nghị quyết số 502/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)								14.860,000		14.860,000		-	
2	Ngân sách cấp huyện quản lý đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý chưa phân bổ chi tiết tại phần III, Biểu số 12 của Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh								1.493,384		1.493,384		-	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (I+II)						17.921,653	17.022,454	13.092,087	13.092,087		16.353,384	29.445,471	
I	Dự án cấp huyện quản lý đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh còn thiếu vốn						17.921,653	17.022,454	13.092,087	13.092,087	-	1.312,552	14.404,639	

STT	Danh mục Dự án	Chủ Đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh				Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn CTMTQG	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	
									Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo			
1	Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng điểm trường Tiểu học bản Lóng Luông, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Vân Hồ	2022 - 2023	815 31/8/2022	1.600,000	1.600,000	1.370,000	1.370,000	116,313	1.486,313	
2	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng điểm trường tiểu học trung tâm xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Song Khùa	2022 - 2023	910 14/9/2022	2.574,000	2.574,000	2.204,000	2.204,000	148,098	2.352,098	
3	Hệ thống tường bao xung quanh UBND xã Mường Tè, huyện Vân Hồ và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Song Khùa	2022 - 2023	814 31/8/2022	2.543,000	2.543,000	2.287,000	2.287,000	32,060	2.319,060	
4	Xây dựng nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử khu căn cứ tỉnh đội bản Tà lạt, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Song Khùa	2022 - 2023	896 12/9/2022	1.903,000	1.903,000	1.693,000	1.693,000	54,053	1.747,053	
5	Sân vận động xã Tô Múa (bao gồm trang thiết bị phục vụ thể dục, thể thao), huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Tô Múa	2023 - 2024	360 19/4/2023	1.000,000	1.000,000	600,000	600,000	49,818	649,818	

STT	Danh mục Dự án	Chủ Đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh				Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn CTMTQG	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				
									Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
6	Đường giao thông nội bản Pa Chè (đường ngõ xóm), xã Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Văn Hồ	2023 - 2024	252 29/3/2023	2.403,000	2.403,000	1.362,000	1.362,000	1.362,000		34,248	1.396,248	
7	Nhà văn hóa bản Nậm nghiệp xã Ngọc Chiến	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Ngọc Chiến	2023 - 2025	599/ 21/04/2025	2.490,682	2.490,682	1.279,765	1.279,765	1.279,765		719,123	1.998,888	
8	Đường nội bản bản Khọc B, xã Mường Khoa	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Tạ Khoa	2024 - 2025	1525 12/12/2023	2.241,916	2.241,916	2.158,967	2.158,967	2.158,967		29,338	2.188,305	
9	Điện chiếu sáng từ Cầu Chiềng Khoi đến bản Tam Thanh, xã Phiêng Khoài (Quốc lộ 6C), huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Yên Châu; xã Phiêng Khoài	2025	282 05/3/2025	1.166,055	266,856	137,355	137,355	137,355		129,501	266,856	
II	Dự án khởi công mới bổ sung năm 2025												15.040,832	15.040,832	

STT	Danh mục Dự án	Chủ Đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh				Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn CTMTQG	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	
									TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
									Tổng số				
1	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các Bản trung tâm xã Chiềng Sung	UBND xã Chiềng Sung	Khoảng 3,5 km	Các bản Cang, bản Sài Lương, bản Nong Bình và một số bản thuộc xã Chiềng Sung	2025						2.146.500	2.146.500	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã Ngọc Chiến	UBND xã Ngọc Chiến	Khoảng 3,5 km	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã	2025						2.146.500	2.146.500	
3	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các Bản trung tâm xã Mường Chiến	UBND xã Mường Chiến	Khoảng 3,5 km	Các bản Lộng Ó; Có Nàng và bản Phiêng Bay và một số bản của xã Mường Chiến	2025						2.146.500	2.146.500	

STT	Danh mục Dự án	Chủ Đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh				Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn CTMTQG	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	
									TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
									Tổng số				
4	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các Bản trung tâm xã Mường Giôn	UBND xã Mường Giôn	Khoảng 3,3 km	Các bản Cút, bản Chiềng Lè và bản Bò Xanh và một số bản của xã Mường Giôn	2025						2.070,000	2.070,000	
5	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các Bản trung tâm xã Chiềng Khương	UBND xã Chiềng Khương	Khoảng 3,3 km	Các tuyến đường trục chính Trung tâm xã Chiềng Khương và một số bản thuộc xã Chiềng Khương	2025						2.070,000	2.070,000	
6	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các Bản trung tâm xã Chiềng Mung	UBND xã Chiềng Mung	Khoảng 2 km	Thôn 6; thôn Hoàng Văn Thụ, bản Phá và một số bản của xã Chiềng Mung	2025						1.113,783	1.113,783	

STT	Danh mục Dự án	Chủ Đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh				Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn CTMTQG	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	
									TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
									Tổng số				
7	Dự án làm Đường giao thông nông thôn trục bản Phát, bản Nà Hạ xã Chiềng Mung	UBND xã Chiềng Mung	Chiều dài đường bê tông dài 1,0 km - Đường GTNT cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	Bản Phát; bản Nà Hạ và một số bản thuộc xã Chiềng Mung	2025						1.367,549	1.367,549	
8	Dự án Đường Giao Thông Nông thôn bản Mé (Nhánh Lọng Kẹ Luông và Ta Nọi)	UBND xã Mường Chanh	Chiều dài tuyến L=0,8 km - Đường GTNT cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	Bản Mé (Nhánh Lọng Kẹ Luông và Ta Nọi) và một số bản thuộc xã Mường Chanh	2025						1.980,000	1.980,000	

Biểu số 05

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG) đã phân bổ	Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến thời điểm báo cáo	Phương án điều chỉnh				Ghi chú
							Tổng số	Nguồn vốn CTMTQG	Huy động từ nguồn hợp pháp khác			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	
	TỔNG SỐ						34.634,190	32.063,286	1.671,254	29.445,471	29.445,471	2.576,087	16.353,384	16.353,384	18.929,471	
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM									16.353,384	16.353,384		16.353,384			
1	Ngân sách cấp tỉnh thực hiện hỗ trợ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh)									14.860,000	14.860,000		14.860,000			
2	Ngân sách cấp huyện quản lý đã điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý chưa phân bổ chi tiết tại phần III, Biểu số 12 của Nghị quyết số 547/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh									1.493,384	1.493,384		1.493,384			
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (H-I)						34.634,190	32.063,286	1.671,254	13.092,087	13.092,087	2.576,087		16.353,384	18.929,471	
I	Dự án còn thiếu vốn						17.921,653	17.022,454		13.092,087	13.092,087	2.576,087		1.312,552	3.888,639	
1	Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng điểm trường Tiểu học bản Lóng Luông, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Vân Hồ	2022-2023	815 31/8/2022	1.600,000	1.600,000		1.370,000	1.370,000			116,313	116,313	
2	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng điểm trường tiểu học trung tâm xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Song Khùa	2022-2023	910 14/9/2022	2.574,000	2.574,000		2.204,000	2.204,000			148,098	148,098	

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG đã phân bổ)	Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến thời điểm báo cáo	Phương án điều chỉnh				Ghi chú
							Tổng số	Nguồn vốn CTMTQG	Huy động từ nguồn hợp pháp khác			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	
3	Hệ thống tường bao xung quanh UBND xã Mường Tè, huyện Vân Hồ và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Song Khua	2022-2023	814 31/8/2022	2.543,000	2.543,000		2.287,000	2.287,000			32,060	32,060	
4	Xây dựng nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử khu căn cứ tỉnh đội bản Tả lạt, xã Song Khua, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Song Khua	2022-2023	896- 12/9/2022	1.903,000	1.903,000		1.693,000	1.693,000			54,053	54,053	
5	Sân vận động xã Tô Múa (bao gồm trang thiết bị phục vụ thể dục, thể thao), huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Tô Múa	2023-2024	360- 19/4/2023	1.000,000	1.000,000		600,000	600,000			49,818	49,818	
6	Đường giao thông nội bản Pa Chè (đường ngõ xóm), xã Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Vân Hồ	2023-2024	252- 29/3/2023	2.403,000	2.403,000		1.362,000	1.362,000			34,248	34,248	
7	Nhà văn hóa bản Nặm nghiệp xã Ngọc Chiến	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Ngọc Chiến	2023-2025	599/- 21/04/2025	2.490,682	2.490,682		1.279,765	1.279,765	1.279,765		719,123	1.998,888	
8	Đường nội bản bản Khọc B, xã Mường Khoa	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Tạ Khoa	2024-2025	1525- 12/12/2023	2.241,916	2.241,916		2.158,967	2.158,967	1.158,967		29,338	1.188,305	
9	Điện chiếu sáng từ Cầu Chàng Khời đến bản Tam Thanh, xã Phiêng Khoai (Quốc lộ 6C), huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Xã Yên Châu; xã Phiêng Khoai	2025	282- 05/3/2025	1.166,055	266,856		137,355	137,355	137,355		129,501	266,856	

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG đã phân bổ)	Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến thời điểm báo cáo	Phương án điều chỉnh				Ghi chú
							Tổng số	Nguồn vốn CTMTQG	Huy động từ nguồn hợp pháp khác			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	
II	Dự án khởi công mới						16.712,537	15.040,832	1.671,254			15.040,832			15.040,832	
1	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã Chiềng Sung	UBND xã Chiềng Sung	Khoảng 3,5 km	Các bản Cang, bản Sài Lương, bản Nong Bình và một số bản thuộc xã Chiềng Sung	2025		2.385,000	2.146,500	238,500							
2	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã Ngọc Chiến	UBND xã Ngọc Chiến	Khoảng 3,5 km	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã	2025		2.385,000	2.146,500	238,500							
3	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã Mường Chiến	UBND xã Mường Chiến	Khoảng 3,5 km	Các bản Lọng Ổ, Có Nang và bản Phiêng Bay và một số bản của xã Mường Chiến	2025		2.385,000	2.146,500	238,500							
4	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã Mường Giôn	UBND xã Mường Giôn	Khoảng 3,3 km	Các bản Cút, bản Chiềng Lẻ và bản Bo Xanh và một số bản của xã Mường Giôn	2025		2.300,000	2.070,000	230,000							
5	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã Chiềng Khương	UBND xã Chiềng Khương	Khoảng 3,3 km	Các tuyến đường trục chính Trung tâm xã Chiềng Khương và một số bản thuộc xã Chiềng Khương	2025		2.300,000	2.070,000	230,000							
6	Điện chiếu sáng tuyến đường trục chính các bản trung tâm xã Chiềng Mung	UBND xã Chiềng Mung	Khoảng 2 km	Thôn 6: thôn Hoàng Văn Thụ, bản Pá và một số bản của xã Chiềng Mung	2025		1.237,537	1.113,783	123,754							

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG đã phân bổ)	Lấy kế hoạch vốn đã phân bổ đến thời điểm báo cáo	Phương án điều chỉnh				Ghi chú
							Tổng số	Nguồn vốn CTMTQG	Huy động từ nguồn hợp pháp khác			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	
7	Dự án làm Đường giao thông nông thôn trục bản Phát, bản Nà Hạ xã Chiềng Mung	UBND xã Chiềng Mung	Chiều dài đường bê tông dài 1,0 km - Đường GTNT cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	Bản Phát; bản Nà Hạ và một số bản thuộc xã Chiềng Mung	2025		1.520.000	1.367.549	152.000							
8	Dự án Đường Giao Thông Nông thôn bản Mế (Nhánh Long Kẹ Luông và Ta Nọi)	UBND xã Mường Chanh	Chiều dài tuyến L=0,8 km - Đường GTNT cấp C theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014	Bản Mế (Nhánh Long Kẹ Luông và Ta Nọi) và một số bản thuộc xã Mường Chanh	2025		2.200.000	1.980.000	220.000							

Biểu số 06

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 3 DỰ ÁN 4 CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CÁC HUYỆN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Đã giao kế hoạch hàng năm đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó					
					Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ			961	958	3	1.092	1.092	1.092	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			961	958	3	1.092	1.092	1.092	
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			961	958	3	1.092	1.092	1.092	
1	Huyện Bắc Yên (cũ)	2022	1424/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	101,0	101,0		101	101	101	
2	Huyện Mai Sơn (cũ)	2022	2441/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	156,7	156,7		158	158	158	
3	Huyện Mộc Châu (cũ)	2023	36/QĐ-LĐTBXH ngày 29/9/2023	84,0	81,0	3	81	81	81	
4	Huyện Phù Yên (cũ)	2022	2134/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	115,0	115,0		124	124	124	

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Đã giao kế hoạch hàng năm đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó					
					Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện				
5	Huyện Quỳnh Nhai (cũ)	2022	1737/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	74,0	74,0		74	74	74	
6	Huyện Mường La (cũ)						124	124	124	
7	Huyện Sông Mã (cũ)	2022	5550/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	181,0	181,0		181	181	181	
8	Huyện Yên Châu (cũ)	2022	25/QĐ-LĐTBXH ngày 12/8/2022	101,0	101,0		101	101	101	
9	Huyện Vân Hồ (cũ)	2023	1370/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	72,0	72,0		72	72	72	
10	Thành phố (cũ)	2022	1902-QĐ-UBND ngày 25/8/2022	76,0	76,0		76	76	76	

Biểu số 07
ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGÈO BỀN VỮNG
(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng														
TT	Danh mục dự án/Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó: Lũy kế vốn đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
	TỔNG SỐ						109,563,948	106,733,948	94,889,018	93,187,000	6,671,831	6,671,831	94,889,018	
A	ĐIỀU CHỈNH GIÁM						89,619,28	86,789,28	87,054,00	85,418,00	6,671,83	-	80,382,17	
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						89,619	86,789	87,054	85,418	6,671,83	-	80,382,17	-
1	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn						89,619	86,789	87,054	85,418	6,671,83	-	80,382,17	-
1.1.	Trường Cao đẳng Sơn La						57,871	55,041	55,041	53,670	2,000,00		53,041,00	
(1)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Sơn La	Trường Cao đẳng Sơn La	- Xây dựng nhà thực hành nông lâm nghiệp 3 tầng. - Cải tạo, sửa chữa Nhà thực hành khách sạn 1 tầng, các phòng thực hành nhà B5 3 tầng, nhà tập thể dục thể thao 1 tầng. - Xây dựng trại chăn nuôi khu lâm viên: Nhà bảo vệ, nhà kho, chuồng gà, chuồng bò, chuồng dê, chuồng	2022 - 2025	2836 31/12/2022; 2342 06/11/2024	28,717	28,717	28,717	28,717	27,500	240,00		28,477	

TT	Danh mục dự án/Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn vốn ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Lũy kế vốn đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
(2)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống thực hành tích hợp - Trường Cao đẳng Sơn La	Trường Cao đẳng Sơn La	lợn,chuồng dúi, sân, hàng rào, rãnh thoát nước... - Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy (nhà để máy bơm; bể nước PCCC; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy bằng nước; trang thiết bị chữa cháy...) - Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đào tạo.	2023 - 2025	2374 08/11/2024	29.154	26.324	26.324	26.324	26.170	1.760,00		24.564,00	
1.2.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La					31.748	31.748	31.748	32.013	31.748	4.671,83		27.341,17	

TT	Danh mục dự án/Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	TMDĐT		Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Lũy kế vốn đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
(1)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	- 01 nhà đa năng (01 tầng, diện tích xây dựng khoảng Sxd = 890m ²). - Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề.	2022-2025	1091 10/6/2024	20248,28	20248,28	20248,28	20513	20.248	4.500,00		16.013,00	
(2)	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	- Cải tạo, sửa chữa nhà ăn 400 chỗ: Nhà 2 tầng diện tích xây dựng Sxd = 780m ² , tổng diện tích sàn Ssàn = 1.325m ² . - Cải tạo, sửa chữa sân tập sắt hạch gồm: + Cải tạo, sửa chữa Nhà điều hành sân tập: Nhà 1 tầng diện tích xây dựng Sxd = 188m ² . - Cải tạo, sửa chữa sân tập sắt hạch: Sửa chữa đường, sân tập sắt hạch Diện tích S = 13.829m ² . - Các hạng mục phụ trợ khác.	2023-2025	2476 21/11/2024	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	171,83		11.328,17	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG					19.944,672	19.944,672	19.944,672	7.835,018	7.769,000	-	6.671,83	14.506,85	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					19.944,672	19.944,672	19.944,672	7.835,018	7.769,000	-	6.671,83	14.506,85	

TT	Danh mục dự án/Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn vốn ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Lũy kế vốn đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					19.944,672		19.944,672	7.835,018	7.769,000	-	6.671,831	14.506,849	
(1)	Nhà sinh hoạt bản Muông Mỏ xã Phòng Láp	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Cấp nước sinh hoạt cho 27 hộ dân	2025	2079 06/5/2025	650,000		650,000	596,018	530,000		63,49	659,51	
(2)	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT THCS Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Xây mới Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng; Diện tích xây dựng Sxd = 464,0 m ² ; Diện tích sàn Ssàn 1326,0 m ² . Hạng mục phụ trợ: Sân bê tông diện tích S = 295 m ² ; Bể phòng cháy chữa cháy, hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (đã có); Di chuyển đường điện 0,4kv, thiết bị và các hạng mục phụ trợ khác...	2024 - 2025	282 27/3/2024	10.778,4		10.778,4	7.239	7.239		1.627,00	8.866,00	

TT	Danh mục dự án/Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn ương giải đoạn 2021-2025		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn ương giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Lũy kế vốn đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
(3)	Thủy lợi Phai Co Lu, bản Cọ xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Xây dựng đập đầu mối, cống lấy nước, tuyến kênh tưới, trụ đỡ ống, cống qua đường, bề thu	2024 - 2025	1384 25/11/2024	2.157,4		2.157,4				1.350,00	1.350,00	
(4)	Thủy lợi phai Huổi Phai, bản Phai xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Xây dựng đập đầu mối, cống lấy nước, tuyến kênh tưới, trụ đỡ ống, cầu mương, tràn vượt kênh	2024 - 2025	1385 25/11/2024	1.894,0		1.894,0				1.215,00	1.215,00	
(5)	Nhà văn hoá bản Phiêng Pen xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Xây dựng mới: Nhà văn hóa 1 tầng 4 gian kiến cổ, tổng diện tích xây, dựng 179,2m ² ; Xây dựng các hạng mục phụ trợ: Sân mặt bằng; nhà vệ sinh; sân bê; công; kê đá học; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ tổng; công; kê đá học; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ.	2024 - 2025	1395 28/11/2024	1.550,0		1.550,0				861,34	861,34	

TT	Danh mục dự án/Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn vốn ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn vốn ngân sách Trung ương giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Lũy kế vốn đã giao	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
(6)	Nhà văn hoá bản Nà Vạc xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Xây dựng mới: Nhà văn hóa 1 tầng 4 gian kiến cổ, tổng diện tích xây, dựng 184,8m ² ; Xây dựng các hạng mục phụ trợ: Nhà vệ sinh; sân bê tông; công; nhà để xe máy, xe đạp; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ nhà để xe máy, xe đạp; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ tổng; công; kè đá hồ; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ.	2024 - 2025	1404 28/11/2024		1.472,5	1.472,5				730,00	730,00	
(7)	Nhà văn hoá bản Huổi Niếng xã Mường Vá	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Nhà văn hóa 1 tầng 4 gian và các hạng mục phụ trợ: Sân nền, kè taluy dương, sân bê tông công tường rào, cột cờ và nhà vệ sinh	2024 - 2025	1403 28/11/2024		1.442,4	1.442,4				825,00	825,00	

Biểu số 08
ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGÈO BỀN VỮNG
(Kèm theo Nghị quyết số 575/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng									
TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó:		Phương án điều chỉnh	
						Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh	Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
	TỔNG SỐ				38.728	36.770	1.958	6.672	38.728
A	ĐIỀU CHỈNH GIÁM				38.728	36.770	1.958	6.671,831	32.056,169
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				38.728	36.770	1.958	6.671,83	32.056,169
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				38.728	36.770	1.958	6.671,83	32.056,169
1.1	Trường Cao đẳng Sơn La				15.980	15.980	-	2.000,00	13.980,000
(1)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Sơn La	Trường Cao đẳng Sơn La	- Xây dựng nhà thực hành nông lâm nghiệp 3 tầng. - Cải tạo, sửa chữa Nhà thực hành khách sạn 1 tầng, các phòng thực	2022 - 2025	500	500,0		240,00	260,00

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó:		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
						Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh	Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
			hành nhà B5 3 tầng, nhà tập thể dục thể thao 1 tầng. - Xây dựng trại chăn nuôi khu lâm viên: Nhà bảo vệ, nhà kho, chuồng gà, chuồng bò, chuồng dê, chuồng lợn, chuồng dúi, sân, hàng rào, rãnh thoát nước... - Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy (nhà để máy bơm; bể nước PCCC; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy bằng nước; trang thiết bị chữa cháy...) - Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đào tạo.							
(2)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống thực hành tích hợp - Trường Cao đẳng Sơn La	Trường Cao đẳng Sơn La	Phân xây dựng: - Nhà thực hành tích hợp 3 tầng. Diện tích xây dựng khoảng Sxd = 530,0m²; Tổng diện tích sàn khoảng Ssàn = 1550,0m².	2023 - 2025	15.480	15.480,0		1.760,00		13.720,00

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó:		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
						Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh	Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
			- Các hạng mục phụ trợ bao gồm: Cải tạo nâng cấp sân, đường nội bộ, rãnh thoát nước, bồn hoa, tiểu cảnh, hệ thống chiếu sáng v.v... Phản thiết bị: Lắp đặt thiết bị giảng dạy, thực tập biểu diễn (Màn hình led 200inch, hệ thống âm thanh, ánh sáng...)			20.790	1.958	4.671,83		18.076,17
1.2.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La									
(1)	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	- 01 nhà đa năng (01 tầng, diện tích xây dựng khoảng Sxd = 890m ²). - Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề.	2022 - 2025	11.248	11.248,0		4.500,00		6.748,00
(2)	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	- Cải tạo, sửa chữa nhà ăn 400 chỗ; Nhà 2 tầng diện tích xây dựng Sxd = 780m ² , tổng diện tích sàn Sàn = 1.325m ² .	2023 - 2025	11.500	9.542,0	1.958,0	171,83		11.328,17

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó:		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
						Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh	Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG								6.671,83	6.671,83
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					-		-	6.671,831	6.671,831
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo)					-		-	6.671,831	6.671,831
(1)	Nhà sinh hoạt bản Muông Mố xã Phòng Lập	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	Cấp nước sinh hoạt cho 27 hộ dân	2025					63,49	63,49

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó:		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
						Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 422/NQ- HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh	Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 545/NQ- HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
(2)	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT THCS Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sở Cộ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	Xây mới Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng; Diện tích xây dựng Sxd = 464,0 m ² ; Diện tích sàn Ssàn 1326,0 m ² . Hạng mục phụ trợ: Sân bê tông diện tích S = 295 m ² ; Bê tông phòng cháy chữa cháy, hệ thống phòng cháy chữa cháy và Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (đã có); Di chuyển đường điện 0,4kv, thiết bị và các hạng mục phụ trợ khác...	2024 - 2025					1.627,00	1.627,00
(3)	Thủy lợi Phai Co Lụ, bản Cọ xã Púng Bính	Ban QLDA ĐTXD Sở Cộ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	Xây dựng đập đầu mối, cống lấy nước, tuyến kênh tưới, trụ đỡ ống, cống qua đường, bể thu	2024 - 2025					1.350,00	1.350,00
(4)	Thủy lợi phai Huổi Phai, bản Phai xã Púng Bính	Ban QLDA ĐTXD Sở Cộ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	Xây dựng đập đầu mối, cống lấy nước, tuyến kênh tưới, trụ đỡ ống, cầu máng, tràn vượt kênh	2024 - 2025					1.215,00	1.215,00

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó:		Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
						Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh	Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
(5)	Nhà văn hoá bản Phiêng Pen xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	Xây dựng mới: Nhà văn hóa 1 tầng 4 gian kiên cố, tổng diện tích xây, dựng 179,2m ² ; Xây dựng các hạng mục phụ trợ: San mặt bằng; nhà vệ sinh; sân bê; công; kê đá hộc; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ tổng; công; kê đá hộc; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ.	2024 - 2025					861,34	861,34
(6)	Nhà văn hoá bản Nà Vạc xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	Xây dựng mới: Nhà văn hóa 1 tầng 4 gian kiên cố, tổng diện tích xây, dựng 184,8m ² ; Xây dựng các hạng mục phụ trợ: Nhà vệ sinh; sân bê tông; công; nhà để xe máy, xe đạp; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ nhà để xe máy, xe đạp; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ tổng; công; kê đá hộc; tường rào; rãnh thoát nước; cột cờ.	2024 - 2025					730,00	730,00

TT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Trong đó:		Phương án điều chỉnh	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
						Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh	Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025 giao tại Nghị quyết số 545/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh		
(7)	Nhà văn hoá bản Huổi Niếng xã Mường Vá	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT	Nhà văn hóa 1 tầng 4 gian và các hạng hạng mục phụ trợ: Sân nền, kê tatuy dương, sân bê tông cổng tường rào, cột cờ và nhà vệ sinh	2024 - 2025				Điều chỉnh giảm 825,00	825,00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: 576/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt bổ sung dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên
(nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài) năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 36**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước, chi thường xuyên (nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài) năm 2025;

Xét Tờ trình số 623/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 916/BC-DT ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê duyệt bổ sung dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên (nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài) năm 2025, như sau:

1. Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (ngân sách tỉnh) năm 2025 từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, **số tiền: 8.895 triệu đồng** (Tám tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) năm 2025 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện dự án “Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả theo chuỗi giá trị đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu và chế biến”, **số tiền: 8.895 triệu đồng** (Tám tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

Nguồn kinh phí: Vốn nước ngoài (viện trợ không hoàn lại) giao tại Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 36, thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

PHÓ CHỦ TỊCH

Vi Đức Thọ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com